

THÔNG TƯ

Chi phí quản lý chung: 10% chi phí trực tiếp

Khâu số hoá bản đồ bao gồm các công đoạn chính sau:

1. Công tác chuẩn bị: **Nhận tư liệu, phân loại tư liệu, kiểm tra tư liệu, xử lý cơ sở toán học bản đồ.**

Công đoạn chuẩn bị áp dụng cho việc số hoá mới các bản đồ.

2. Số hoá bản đồ:

Công đoạn số hoá bao gồm số hoá bằng bàn số hoá hoặc số hoá bằng quét và vector hóa.

Các lớp thông tin chính được số hoá bao gồm:

Tên lớp bản đồ	Hệ Số (Định mức)
1. Lớp đường đồng mức	0,5
2. Lớp thủy văn	0,2
3. Lớp giao thông	0,2
4. Lớp ranh giới hành chính	0,1
5. Lớp ranh giới chuyên đề (rừng hoặc đất)	0,4
6. Lớp ranh giới tiểu khu	0,1

a. Bản đồ địa hình, các lớp 1, 2, 3, 4 được số hoá, hệ số định mức là 1,0

b. Bản đồ rừng, các lớp 2, 5, 6 được số hoá, hệ số định mức là 0,7

c. Bản đồ tiểu khu, các lớp 2, 4, 6 được số hoá, hệ số định mức là 0,4

d. Bản đồ địa hình có thêm ranh giới rừng, các lớp 1, 2, 3, 4, 5, 6 được số hoá, hệ số định mức là 1,5.

Lớp thủy văn luôn được số hoá vì đây là lớp dùng để hiệu chỉnh hình học, kết nối với các lớp thông tin đã số hoá trước đó.

Công đoạn số hoá áp dụng cho việc số hoá mới các bản đồ:

Tuỳ loại bản đồ được số hoá, như đã nêu trong 4 trường hợp trên, ta có hệ số định mức được áp dụng cho công đoạn số hoá tương ứng là 1,0 hoặc 0,7 hoặc 0,4 hoặc 1,5. Hệ số này được nhân với định mức cơ bản của công đoạn số hoá.

3. Biên tập bản đồ:

Công đoạn biên tập bản đồ gồm:

Kiểm tra và tích hợp các lớp thông tin.

Chuẩn hoá dữ liệu, xử lý địa hình.

Kiểm tra ghép mảnh, tiếp biên cho mọi lớp bản đồ.

Trình bày bản đồ để in với các lớp địa danh, văn bản, kí hiệu theo quy định cho lớp nền và cho lớp chuyên đề, trình bày màu cho lớp chủ đề (Ví dụ rừng, đất, loại quy hoạch...).

Công đoạn biên tập áp dụng cho các trường hợp:

- Biên tập khi số hoá mới hoàn toàn một bản đồ với đầy đủ các lớp.
- Biên tập với một vài lớp mới số hoá kết nối với các lớp cũ đã số hoá trước.
- Biên tập kết nối cơ sở dữ liệu bản đồ rừng với thuộc tính các lô trạng thái rừng và phiếu 2.
- Biên tập trong bước hiệu chỉnh hình học một ảnh viễn thám.
- Biên tập trong bước giải đoán, khái quát hoá lớp ranh giới lô trạng thái rừng do giải đoán từ ảnh viễn thám số.
- Biên tập một bản đồ thành quả mới trình bày theo chuyên đề hoặc thu phóng theo đơn vị hành chính.

Hệ số định mức cho khâu biên tập bản đồ là 1, trừ trường hợp bản đồ tiểu khu hệ số là 0,4

4. In và kiểm tra.

Công đoạn in & kiểm tra áp dụng cho các trường hợp:

- Sau mỗi công đoạn biên tập.
- In nhân bản các bản đồ thành quả (áp dụng theo định mức mảnh tỷ lệ 1/10.000 hoặc nếu bản đồ phức tạp dùng theo định mức mảnh tỷ lệ 1/25.000)

5. Lưu trữ

Ghi và lưu trữ chuyển dữ liệu. Công đoạn ghi và lưu trữ áp dụng cho các trường hợp:

- Sau khi số hoá, biên tập một bản đồ mới.
- Sau khi giải đoán ảnh viễn thám số.

II. ĐỊNH MỨC CHI TẠO LẬP TIN ĐIỆN TỬ THUỘC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Thông tư số: 111/1998/TT/BTC ngày 3 tháng 8 năm 1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập tin điện tử thuộc công nghệ thông tin.

--	--	--	--

<i>Tên hạng mục công việc</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>Mức chi</i>	<i>Ghi chú</i>
<i>1 Nhập dữ liệu có cấu trúc</i>	<i>Trường, mục tin</i>	<i>30đ 80đ</i>	
<i>2 Nhập dữ liệu phi cấu trúc</i>	<i>Trang</i>	<i>1500đ-2500đ</i>	<i>46 dòng x 70 ký tự</i>
<i>3 Quét ảnh</i>	<i>Trang</i>	<i>1000đ-3000đ</i>	<i>Khổ A4</i>
<i>4 Tạo trang siêu văn bản đơn giản</i>	<i>Trang</i>	<i>1000đ-2500đ</i>	<i>Phi cấu trúc chuyển sang siêu văn bản</i>
<i>5 Tạo trang siêu văn bản phức tạp</i>	<i>Trang</i>	<i>3500đ-9000đ</i>	<i>Có mối liên kết với các trang, hình ảnh khác.</i>

Định mức được áp dụng cho các khâu công việc sau:

1. Nạp thông tin phiếu 2 theo lô trạng thái (kết quả kiểm kê rừng): Áp dụng định mức nhập dữ liệu có cấu trúc, mức 80đ/trường (Vì phiếu nhập là phiếu ngoại nghiệp, khó đọc, phức tạp). Mỗi phiếu 2 gồm 30 trường, mỗi trang gồm 14 lô (dòng).

2. Tạo lập cơ sở dữ liệu về diện tích trữ lượng tài nguyên rừng, các trang EXEL theo tiểu khu có mốc nối tương ứng với các trang của xã, huyện, tỉnh và mốc nối với bản đồ tài nguyên rừng theo tiểu khu: áp dụng định mức tạo trang siêu văn bản phức tạp mức 6000đ/trang (Dùng macro của Exel và ngôn ngữ Visual Basic) mức 8000 đ/trang nếu có mốc nối với bản đồ (Basic của Mapinfo).

Số trang biểu Exel theo mẫu kiểm kê 286, mỗi tiểu khu 6 biểu (2a, 2b, 3a, 3b, 4a, 4b); mỗi xã 8 biểu (1a, 1b, 2a, 2b, 3a, 3b, 4a, 4b); mỗi huyện, tỉnh (8 biểu).

III. ĐỊNH MỨC CHI CHO THEO DÕI BIẾN ĐỘNG RỪNG TRÊN THỰC ĐỊA, ĐƯA LÊN BẢN ĐỒ VÀ CẬP NHẬT VÀO CƠ SỞ DỮ LIỆU

Vận dụng theo định mức giao đất giao rừng quy định tại Thông tư liên bộ Tài chính, Lâm nghiệp số: 74/TT, LB ngày 13 tháng 10 năm 1995 hướng dẫn việc sử dụng, quản lý cấp phát và quyết toán kinh phí chi giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

Đất có rừng tự nhiên	không quá 17.000 đồng/ha
Đất có rừng trồng	không quá 15.000 đồng /ha

<i>Đất trồng đồi núi trọc</i>	<i>không quá 11.000 đồng /ha</i>
<i>Rừng phòng hộ</i>	<i>không quá 11.000 đồng /ha</i>
<i>Rừng đặc dụng</i>	<i>không quá 7.000 đồng /ha</i>
<i>Vùng đệm rừng đặc dụng và rừng phòng hộ ít xung yếu</i>	<i>không quá 17.000 đồng/ha</i>

Định mức trên được dùng cho bước quyết toán theo diện tích biến động thực tế. Để lập dự toán theo dõi diễn biến rừng đất lâm nghiệp, cập nhật lên bản đồ và cơ sở dữ liệu, tạm tính bình quân 15.000 đ/ha, khi quyết toán sẽ theo diện tích biến động thực tế.

Diện tích biến động cần cập nhật từ thực địa lên bản đồ tạm dự tính 5% tổng diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh. Lưu ý trong chu kỳ trước mắt, diện tích biến động cần cập nhật không chỉ bao gồm các biến động thật mà có một phần là các biến đổi cần cập nhật do bản đồ không đúng với thực địa.

IV. CÁC HẠNG MỤC CỦA DỰ TOÁN

Tổng giá trị dự toán cho dự án được phân ra các hạng mục sau:

Chi phí trực tiếp A1

Chi phí quản lý điều hành chung là 3% A1 (chi phí gián tiếp)

Chi phí chung quản lý, kiểm tra kỹ thuật, thu thập tài liệu, điện nước, công tác phí và các chi khác của các đơn vị thực hiện thi công là 10% A1 (chi phí gián tiếp)

Chi phí trực tiếp không tính cho phần trang thiết bị của Dự án.

Giá thành A2 = 113% A1 (Chi phí trực tiếp + chi phí gián tiếp)

Chi phí lập và bảo vệ dự án chiếm 0,5 % A2

Chi phí kiểm tra nghiệm thu của bên A là 2% A2

Tổng chi phí giá thành A3 = 102,5 % A2 (0.5 % cho lập và bảo vệ dự án, 2% kiểm tra nghiệm thu)

Tổng dự toán A4 là 105 % A3, gồm tổng chi phí giá thành cộng 5 % tổng chi phí giá thành cho thuế doanh thu dịch vụ kỹ thuật.

V. HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG ĐỊNH MỨC CHO CÁC CÔNG VIỆC CHÍNH

(Chi phí trực tiếp A1)

Đơn vị: triệu đồng

<i>Hạng mục công việc</i>	<i>Số tiền</i>
<i>1. Xây dựng quy trình kỹ thuật thu thập thông tin ngoài thực địa về diễn biến</i>	<i>5,0</i>